TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HS-ST
Ngày 22 – 4 – 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Tươi.
Bà Bùi Ngọc Dung.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Chí Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2025/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Huỳnh Minh T, sinh năm 2006 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Ấp Đ, xã T1, huyện N, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Không nghề; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn Th và bà Lê Thị Mộng T2; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 05/01/2025 đến ngày 11/01/2025 chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

- *Bị hại*: Anh Bùi Văn T3, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T1, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Anh Quách Vũ L, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Khóm x, thị trấn N1, huyện N2, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ ngày 01/01/2025 bị cáo Huỳnh Minh T từ nhà ông Lê Văn T4(ông ngoại của bị cáo) tại ấp Đ, xã T1, huyện N, tỉnh Cà Mau đi qua nhà ông

Bùi Thanh B cặp nhà ông T4 để xin nước sôi nấu mì; khi đến cửa trước nhà, bị cáo thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V23e màu đen của anh Bùi Văn T3 (con của ông Buôl) trên nền gạch cạnh giá võng (cách cửa nhà trước 1m60) thì nảy sinh ý định lấy điện thoại bán lấy tiền chi sài cá nhân; bị cáo nhìn xung quanh không có ai nên vào lấy điện thoại bỏ vào túi quần rồi đi bộ xuống bến phà Ông Định qua Năm Căn.

Khi xuống phà bị cáo gặp Nguyễn Chí N4 (bạn của bị cáo), bị cáo nhờ N4 đi cùng qua chợ Năm Căn cầm điện thoại, N4 hỏi "điện thoại của ai", bị cáo nói "điện thoại của em tao, em tao đưa cho tao mượn đi cầm, mày biết tiệm nào cầm không", Nhân nói "có tiệm Linh 5 Căn". Sau khi lên phà, bị cáo đi đến cửa hàng điện thoại "Linh 5 Căn" thuộc khóm 1, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, bị cáo kêu N5 "mày vô cầm dùm tao đi, tao đi mua gói thuốc" và vào tiệm tạp hóa phía đối diện mua gói thuốc rồi đi vào cửa hàng điện thoại gặp N5 và anh Quách Vũ L (chủ cửa hàng), N4 nói "ở đây ông L không có cầm, chỉ có thu mua, có bán không", bị cáo hỏi anh L "anh mua vô nhiêu", anh L nói mua 800.000 đồng thì bị cáo đồng ý bán và anh L trả đủ tiền mặt cho bị cáo; bị cáo và N4 đi chơi game, uống cà phê, sau đó N4 đi chơi riêng với bạn, bị cáo đi chơi lòng vòng thị trấn Năm Căn sau đó bị mời làm việc thì bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội.

Theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 01/KL-HĐ ngày 07/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản huyện Ngọc Hiển kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO V23e, màu đen, số IMEI1: 867253054436297, IMEI2: 867253054436289 giá 2.745.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Bùi Văn T3 đã nhận lại điện thoại và không có yêu cầu, gì khác; anh Quách Vũ L không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền đã mua điện thoại.

Về trách nhiệm hình sự: Anh T3 yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bản Cáo trạng số: 11/CT-VKS ngày 17/3/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển truy tố bị cáo Huỳnh Minh T về tội "trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội và ý kiến tranh luận: Vào lúc 17 giờ ngày 01/01/2025 bị cáo Huỳnh Minh T vào nhà anh Bùi Văn T3 tại ấp Đ, xã T1, huyện N, tỉnh Cà Mau lấy trộm chiếc điện thoại của anh Thiện có giá trị 2.745.000 đồng. Do đó, Kiểm sát viên đề nghị xét xử bị cáo Huỳnh Minh T theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng, tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài

sản" và áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 47, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đăt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại đã trả lại cho anh Bùi Văn T3 nên không đặt ra xem xét.

Buộc bị cáo nộp lại 800.000 đồng để sung quỹ nhà nước và phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và yêu cầu được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ngọc Hiển, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, đối chiếu với kết quả đã điều tra của Cơ quan điều tra Công an huyện Ngọc Hiển là phù hợp với diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với tài liệu chứng cứ đã thu thập được, thể hiện: Vào lúc 17 giờ ngày 01/01/2025 bị cáo Huỳnh Minh T vào nhà anh Bùi Văn T3 tại ấp Đ, xã T1, huyện N, tỉnh Cà Mau lấy trộm chiếc điện thoại của anh T3 có giá trị 2.745.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự nên Cáo trạng số: 11/CT-VKS ngày 17/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự, thấy rằng:

Trong thời gian qua, trên địa bàn huyện Ngọc Hiển tình hình diễn biến của tội phạm đang có chiều hướng gia tăng, nhất là tội trộm cắp tài sản, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang, bất ổn trong cuộc sống và sinh hoạt của người dân, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự manh động, xem thường pháp luật trực tiếp xâm phạm đến quyền sở

hữu của anh Bùi Văn T3. Trước, trong và sau khi phạm tội bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo biết lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng với ý thức xem thường pháp luật, muốn hưởng lợi trên công sức lao động của người khác nên vẫn bất chấp thực hiện.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi xem xét, quyết định mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Với tính chất, mức độ, hậu quả, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và phải cách ly khỏi đời sống xã hội có thời hạn để giáo dục, cải tạo, răn đe bị cáo; thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng là để cảnh tỉnh, cảnh báo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tránh nhiệm dân sự:

Anh Bùi Văn T3 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với số tiền 800.000 đồng bị cáo bán điện thoại cho anh Quách Vũ L nhưng anh L không yêu cầu nhận lại.

Xét thấy, việc anh L mua điện thoại của bị cáo T nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên bị cáo trách nhiệm hoàn trả lại cho anh L số tiền mà bị cáo đã nhận; tuy nhiên, do anh L không yêu cầu nhận lại nên số tiền này bị cáo có được từ việc do phạm tội mà có nên cần buộc nộp lại để sung công quỹ nhà nước là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO V23E và đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Bùi Văn T3 nên không đặt ra xem xét.

[7] Đối với Nguyễn Chí N4 là người đi bán điện thoại cùng bị cáo nhưng chưa xác định được địa chỉ nên Cơ quan cảnh sát điều tra tách ra tiếp tục xác minh, làm rõ có căn cứ xử lý sau là phù hợp. Đối với Quách Vũ L không biết điện thoại mua của bị cáo do trộm cắp mà có nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Huỳnh Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Huỳnh Minh T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 05/01/2025.

3. Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo nộp lại số tiền 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) (bị cáo chưa nộp).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lơi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Phân trại tạm giam khu vực huyện Ngọc Hiển;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**